

Số: 56/2018/QĐST-HNGĐ

Hàm Yên, ngày 27 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 18/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2018, giữa:

Anh **Trịnh Duy D**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trịnh Duy D và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Anh Trịnh Duy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là cháu Trịnh Thị H, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2002, và cháu Trịnh Thị T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2004.

Chị Trần Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trịnh Duy D mỗi cháu là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/tháng (tức 1.000.000 đồng/2 cháu/tháng); thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2018 trở đi cho đến khi cháu Trịnh Thị H, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2002, và cháu Trịnh Thị T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2004 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là mỗi tháng nộp một lần.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và anh Trịnh Duy D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị T chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp.

- *Về tài sản chung*: Anh Trịnh Duy D và chị Trần Thị T cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Anh Trịnh Duy D và chị Trần Thị T cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí*:

+ Anh Trịnh Duy D phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰0003961, ngày 29/01/2018, của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh D được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Chị Trần Thị T phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND TT. T (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn